

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp dược liệu theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dược liệu năm 2025 lần 2
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - Cơ sở 3, số 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 25 / 7 /2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoccoso3.com.vn/category/tin-tuc/thong-tin-dau-thau/>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Nghiệp vụ Dược, Tầng 1, Khu C, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 3, số 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: DS. Vũ Minh Hương

Số điện thoại: 0966687521

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Trường cơ sở (để báo cáo);
- Ban Hành chính Tổng hợp (để đăng tin);
- Lưu: VT, CS3 (B22-001-3-vmhuong);

TUQ. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG CƠ SỞ



Xuân Thy



DANH MỤC MỖI CHÀO GIÁ

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được diễn áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ba kích	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
2	Bá tử nhân	<i>Semen Platycladi orientalis</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	38
3	Bạc hà	<i>Herba Menthae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
4	Bạch chỉ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
5	Bạch hoa xà thiệt thảo	<i>Herba Hedyotidis diffusae</i>	Toàn cây	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	30
6	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	<i>Poria</i>	Nấm	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	300
7	Bạch tật lê	<i>Fructus Tribuli terrestris</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
8	Bạch thược	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	300
9	Bạch truật	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	225
10	Bán chi liên	<i>Herba Scutellariae barbatae</i>	Toàn cây	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
11	Bán hạ bắc	<i>Rhizoma Pinelliae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	75
12	Bồ công anh	<i>Herba Lactucae indicae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
13	Cam thảo	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	195
14	Cán khương	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	38
15	Cát căn	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>	Rễ củ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	30
16	Cát cánh	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
17	Câu dăng	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Đoạn thân có móc câu	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
18	Câu kỷ tử	<i>Fructus Lycii</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	45

BỘ
BỘ
TÀI H
TP. H
ĐƯ

ml

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được điển áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
19	Cầu tích	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
20	Chi thực	<i>Fructus Aurantii immaturus</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
21	Chi tử	<i>Fructus Gardeniae</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
22	Chi xác	<i>Fructus Aurantii</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
23	Cỏ nhọ nồi	<i>Herba Ecliptae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
24	Cỏ xước (Ngưu tất nam)	<i>Radix Achyranthis asperae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
25	Cốt toái bổ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	80
26	Cúc hoa	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	Nụ hoa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	45
27	Đại hoàng	<i>Rhizoma Rhei</i>	Thân rễ	Thái phiến	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
28	Đại táo	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Quả	Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	300
29	Đan sâm	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	75
30	Đảng sâm	<i>Radix Codonopsis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	150
31	Đào nhân	<i>Semen Pruni</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	90
32	Dây đau xương	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Thân cây	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
33	Địa long	<i>Pheretima</i>	Con	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
34	Đỗ trọng	<i>Cortex Eucommiae</i>	Vỏ thân	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	158
35	Độc hoạt	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	98
36	Đương quy (Toàn quy)	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	300
37	Hà diệp (Lá sen)	<i>Folium Nelumbinis</i>	Lá	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được điện áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
38	Hạ khô thảo	<i>Spica Prunellae</i>	Cụm quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	18
39	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopiae multiflorae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	80
40	Hạnh nhân	<i>Semen Armeniacae amarum</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
41	Hậu phác	<i>Cortex Magnoliae officinali</i>	Vỏ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	45
42	Hoài sơn	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	14
43	Hoàng bá	<i>Cortex Phellodendri</i>	Vỏ thân	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
44	Hoàng cầm	<i>Radix Scutellariae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	12
45	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Rễ	Thái phiến	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	150
46	Hoàng liên	<i>Rhizoma Coptidis</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	17
47	Hồ hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Hoa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	33
48	Hồng hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Hoa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	45
49	Hương phụ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	17
50	Huyền sâm	<i>Radix Scrophulariae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
51	Hy thiêm	<i>Herba Siegesbeckiae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	23
52	Ích trí nhân	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	5
53	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	<i>Fructus Xanthii strumarii</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	12
54	Kê huyết đằng	<i>Caulis Spatholobi</i>	Thân cây	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
55	Khuông hoàng	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Rễ chính	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
56	Khuông hoạt	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thân rễ và rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	86

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được điển áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
57	Kim ngân hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Nụ hoa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	6
58	Kinh giới	<i>Herba Elsholiziae ciliatae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
59	Lạc tiên	<i>Herba Passiflorae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	11
60	Liên kiều	<i>Fructus Forsythiae</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
61	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	9
62	Long nhãn	<i>Arillus Longan</i>	Áo hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	6
63	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	21
64	Mạch nha	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
65	Mạn kinh tử	<i>Fructus Viticis</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
66	Mẫu lệ	<i>Concha Ostreae</i>	Vỏ Hàu	Nung	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	5
67	Mẫu đơn bì	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	Vỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	45
68	Mộc hương	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
69	Mộc qua	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
70	Một dược	<i>Myrrha</i>	Gôm nhựa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
71	Ngải cứu (Ngải diệp)	<i>Herba Artemisiae vulgaris</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
72	Ngọc trúc	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
73	Ngũ vị tử	<i>Fructus Schisandrae</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
74	Ngưu tất	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	300
75	Nhân sâm	<i>Radix Ginseng</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐBVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được diễn áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
76	Nhân trần	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	9
77	Phòng phong	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	84
78	Phụ tử chế (Hắc phụ, Bạch phụ)	<i>Radix Aconiti lateralis praeparata</i>	Rễ	Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
79	Phục thần	<i>Poria</i>	Thẻ quả nấm	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	47
80	Quế chi	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Cành	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	57
81	Quế nhục	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Vỏ thân	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
82	Sa nhân	<i>Fructus Amomi</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
83	Sa sâm	<i>Radix Glehniae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
84	Sài đất	<i>Herba Wedeliae</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
85	Sài hồ	<i>Radix Bupleuri</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	48
86	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	240
87	Sơn thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Vỏ quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
88	Sơn tra	<i>Fructus Mali</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
89	Tam thất	<i>Radix Panax notoginseng</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	15
90	Tân di hoa	<i>Flos Magnoliae liliflorae</i>	Hoa	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
91	Tần giao	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	41
92	Tang bạch bì	<i>Cortex Mori albae radices</i>	Vỏ thân	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
93	Tang chi	<i>Ramulus Mori albae</i>	Cành	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
94	Tang diệp	<i>Folium Mori albae</i>	Lá	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8

ml

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được điển áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
95	Tang ký sinh	<i>Herba Loranthi gracilifolii</i>	Toàn cây bỏ rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	60
96	Táo nhân	<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	62
97	Thạch cao (sống) (dược dụng)	<i>Gypsum fibrosum</i>	Thạch cao	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	3
98	Thăng ma	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	15
99	Thảo quyết minh	<i>Semen Cassiae torae</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
100	Thiên hoa phấn	<i>Radix Trichosanthis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
101	Thiên ma	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	15
102	Thiên môn đông	<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
103	Thiên niên kiện	<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	38
104	Thổ phục linh	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	15
105	Thương truật	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	45
106	Tiên hồ	<i>Radix Peucedani</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
107	Tô mộc	<i>Lignum sappan</i>	Gỗ lõi	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
108	Tô tử	<i>Fructus Perillae frutescens</i>	Quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
109	Trắc bách diệp	<i>Cacumen Platycladi</i>	Cành non và lá	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8
110	Trạch tả	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	75
111	Trần bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Vỏ quả	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	23
112	Tri mẫu	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	DĐVN/TCCS /DĐTC	1/2/3	Kg	8

TT	Tên dược liệu/ vị thuốc cổ truyền	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Dạng sơ chế (hình thức)/ Phương pháp chế biến	Quy cách đóng gói	TCCL hoặc phiên bản được điện áp dụng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
113	Trinh nữ hoàng cung	<i>Folium Crini latifolii</i>	Lá	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
114	Tục đoạn	<i>Radix Dipsaci</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	78
115	Uất kim	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Rễ con	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
116	Uy linh tiên	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
117	Viễn chí	<i>Radix Polygalae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	60
118	Xa tiền tử	<i>Semen Plantaginis</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	3
119	Xích thược	<i>Radix Paeoniae</i>	Rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	39
120	Xuyên bối mẫu	<i>Bulbus Fritillariae</i>	Thân hành	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	8
121	Xuyên khung	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Thân rễ	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	167
122	Ý dĩ	<i>Semen Coicis</i>	Hạt	Chưa sơ chế/Đã sơ chế	Túi PE 1-2kg	ĐDVN/TCCS /ĐBTC	1/2/3	Kg	75